

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM GIÀNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ -ST

Ngày 25 tháng 5 năm 2018

" *V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
chung* "

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Vũ Thị My.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Ngạn ;

2. Bà Lê Thị Thao ;

**- *Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà:***  
Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLST- HN&GD ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn BQ, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn AD, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2017 và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Vũ Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2003 tại UBND xã CD, huyện CG, tỉnh HD, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, có lối sống trái ngược dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị L không làm tròn bổn phận của người con dâu, anh H nhắc nhở thì chị L cãi lại. Cuộc sống vợ chồng trở lên ngột ngạt, căng thẳng và mệt mỏi. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không còn yêu thương nhau, vì không muốn ảnh hưởng đến các con nên anh cố chịu đựng để cho chị L có cơ hội sửa chữa nhưng chị L không thay đổi. Do không thể tiếp tục tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2013 đến nay, mỗi người một nơi, tự lo cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên anh H xin ly hôn chị L.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Hiểu P, sinh ngày 14/02/2004 và Vũ Hiểu D, sinh ngày 24/01/2006. Hiện cháu P đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu D đang do anh nuôi dưỡng. Anh xin nuôi một con. Giả sử anh được tiếp tục nuôi cháu D và chị L nuôi cháu P, anh H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu P với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu P qua đời.

Bị đơn (chị L) trình bày: Chị L công nhận điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng theo như anh H trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2007 anh H đi lao động tại Đài Loan, trong khoảng thời gian đó anh H không quan tâm chia sẻ cùng chị, một mình chị phải xoay sở lo toan chăm sóc, nuôi dạy con cái, anh H không lo xây dựng kinh tế gia đình mà có biểu hiện ngoại tình. Giữa chị và mẹ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng càng căng thẳng hơn. Năm 2014 chị L cùng cháu P về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không trò chuyện, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, vì không muốn ảnh hưởng đến các con, hơn nữa cháu P bị khuyết tật thần kinh nặng cần phải điều trị lâu dài nên chị không nhất trí ly hôn, trường hợp anh H kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết. Hiện nay chị không có thai, không thuộc trường hợp nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

*Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Vũ Hiểu P, sinh ngày 14/02/2004 và Vũ Hiểu D, sinh ngày 24/01/2006. Chị xin nuôi cả hai con tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Anh H, chị L không yêu cầu giải quyết.

Cháu P, cháu D đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 24/4/2018 anh H, chị L đã thỏa thuận toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án. Ngày 27/4/2018, chị L thay đổi quan điểm thỏa thuận.

Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn( anh H)* xin ly hôn chị L; chị L không nhất trí ly hôn;

- *Về quan hệ con chung:* chị L xin nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh H có nguyện vọng nuôi cháu Dương, tự nguyện cấp dưỡng cho chị L nuôi cháu P số tiền 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/2018 cho đến khi cháu P qua đời.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

***Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

\* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn H, xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Ngô Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Hiểu P, sinh ngày 14/02/2004 cho chị Ngô

Thị L nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Hiếu D, sinh ngày 24/01/2006 cho anh Vũ Văn H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của anh H cho cháu P 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu P qua đời.

- Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm, và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng; Trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Trong thời hạn 07 ngày các đương sự có đơn yêu cầu thay đổi quan điểm đã thỏa thuận. Căn cứ Điều 212 BLTTDS Tòa án không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Ngô Thị L tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã CD, huyện CG, tỉnh HD ngày 24/4/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không thông cảm cho nhau trong cuộc sống, không bàn bạc để cùng xây dựng kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau trong quan hệ tình cảm, anh H không quan tâm đến vợ, con. Chị L không khéo léo trong quan hệ cư xử với mẹ chồng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Chị L không nhất trí ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của gia đình anh H và gia đình chị L đều xác định vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

2.2 Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Hiếu P, sinh ngày 14/02/2004 và Vũ Hiếu D, sinh ngày 24/01/2006. Anh H và chị L đều có nguyện vọng và đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Nguyện vọng của anh H và chị L đều chính đáng và được tôn trọng, tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, tức là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con. Nguyện vọng của các con chỉ là một trong

những căn cứ để HĐXX xem xét, chứ không phải là căn cứ duy nhất để quyết định việc giao con.

Xét thấy cháu P bị bệnh bại não liệt co cứng 1/2 người phải/Suy tuyến yên hiện đang phải điều trị, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ, chị L là giáo viên có nhiều thời gian gần gũi chăm sóc cháu P sẽ tốt hơn. Cháu D khỏe mạnh, đang sống cùng anh H, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nhằm ổn định cần giao cho mỗi người nuôi một con; anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D; chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu P.

[3] Về cấp dưỡng: Anh H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu P 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 5/2018 đến khi cháu P chết, sự tự nguyện của anh H phù hợp pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm HNGĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Ngô Thị L.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung là Vũ Hiếu P, sinh ngày 14/02/2004 cho chị Ngô Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Vũ Hiếu D, sinh ngày 24/01/2006 cho anh Vũ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên(đủ 18 tuổi).

2.1. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn H cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Hiếu P cùng chị L số tiền 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 5/ 2018 cho đến khi cháu P chết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về án phí*: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0001985 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Anh H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh H còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã CD, huyện CG, tỉnh
- HD (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Thị Mỹ**